

Số: /QĐ-UBND

Đức Cơ, ngày

tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2023

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ Quy
định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị quyết số 128/2020/NQ-HĐND, ngày 09/11/2020 của Hội đồng
nhân dân tỉnh Gia Lai Về ban hành quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức
phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 trên
địa bàn tỉnh Gia Lai;*

*Căn cứ Nghị quyết số 86/NQ-HĐND ngày 18/8/2021 của Hội đồng nhân
dân huyện Về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 120/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của Hội đồng nhân
dân huyện Về dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2023;*

*Xét đề nghị của Phòng Tài chính - Kế hoạch tại Tờ trình số 30/TTr-TCKH
ngày 19 tháng 7 năm 2022.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2023 từ nguồn vốn trong cân đối
theo tiêu chí tỉnh phân cấp huyện đầu tư và nguồn vốn tiền sử dụng đất, như sau:

1. Tổng vốn đầu tư công năm 2023: 51.354,0 triệu đồng, bao gồm:

- Vốn trong cân đối theo tiêu chí phân cấp huyện đầu tư: 21.354,0 triệu đồng

- Nguồn thu từ tiền sử dụng đất: 30.000,0 triệu đồng; trong đó:

+ Tiền sử dụng đất do huyện thực hiện: 20.000,0 triệu đồng

+ Tiền sử dụng đất do cấp xã thực hiện: 10.000,0 triệu đồng

2. Danh mục và mức vốn bố trí cho từng dự án: Có biểu số 01, số 02 kèm
theo.

Điều 2. Căn cứ vào kế hoạch này, thủ trưởng các ban, ngành, Chủ tịch Ủy
ban nhân dân các xã, thị trấn, các chủ đầu tư tổ chức hoàn thiện các thủ tục đầu tư
theo đúng quy định của Luật Đầu tư công và các quy định khác có liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND-UBND huyện; Trưởng các phòng: Tài chính - Kế hoạch; Kinh tế và Hạ tầng; Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện; Chủ tịch UBND các xã, thị trấn; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đức Cơ; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính;
- Thường trực huyện ủy (B/c);
- Thường trực HĐND huyện;
- Chủ tịch; các PCT UBND huyện;
- Lãnh đạo VP HĐND-UBND huyện;
- Lưu: VT-VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Vũ Mạnh Định

Biểu số 01

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND, ngày tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện)

Đơn vị: Triệu đồng

ST T	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	NĂng lực thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021 - 2025	Kế hoạch đã giao đến 31/12/2021	Dự kiến kế hoạch đầu tư năm 2023	Ghi chú
					Số, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư				
	TỔNG CỘNG					120.500,0	146.501,0	41.497,0	51.354,0	
A	Nguồn vốn cân đối theo tiêu chí tỉnh phân cấp cho huyện đầu tư					33.660,0	23.842,0	2.828,0	21.354,0	
1	Nhà làm việc Ban chỉ huy quân sự xã Ia Pnôn	Xã Ia Pnôn	Năm 2023	Nhà làm việc cấp IV, 1 Tầng, DTXD: 150 m2 và các hạng mục phụ	58/NQ-HĐND ngày 23/7/2021	840,0	800,0		800,0	
2	Trường Tiểu học Hùng Vương	Xã Ia Din	Năm 2023	Xây dựng 06 phòng học lý thuyết + 02 phòng học bộ môn, 01 phòng thiết bị, 01 phòng thư viện và các hạng mục phụ, thiết bị	55/NQ-HĐND ngày 23/7/2021	7.000,0	6.000,0	100,0	5.900,0	
3	Trường Tiểu học Trần Phú	Xã Ia Dom	Năm 2023	Xây dựng 06 phòng học lý thuyết + 02 phòng học bộ môn và các hạng mục phụ, thiết bị	44/NQ-HĐND ngày 23/7/2021	5.570,0	5.300,0	100,0	5.200,0	
4	Nhà văn hóa xã Ia Din	Xã Ia Din	Năm 2023	Nhà cấp III, 01 tầng, DTXD 374m2 và các hạng mục phụ, thiết bị	54/NQ-HĐND ngày 23/7/2021	3.600,0	2.700,0		2.700,0	
5	Nâng cấp, mở rộng đường Trần Bình Trọng thị trấn Chư Ty	Thị trấn Chư Ty	Năm 2023	Chiều dài L= 0,152 km; Bn=17,0m; Bm= 10,5m; bê tông nhựa, đan rãnh, bó vỉa và hệ thống thoát nước	59/NQ-HĐND ngày 23/7/2021	2.100,0	2.000,0	60,0	1.940,0	
6	Trụ sở UBND xã Ia Pnôn	Xã Ia Pnôn	Năm 2023	Nhà làm việc cấp III, 02 tầng, DTXD 276 m2; và các hạng mục phụ, thiết bị	56/NQ-HĐND ngày 23/7/2021	2.100,0	2.000,0		2.000,0	
7	Di tích lịch sử chiến thắng Chư Ty	Thị trấn Chư Ty	Năm 2022- 2023	Sân, đường nội bộ, hệ thống điện, nước và các hạng mục phụ	84/NQ-HĐND ngày 18/8/2021; 3131/QĐ-UBND ngày 13/12/2021	12.110,0	5.042,0	2.568,0	2.474,0	Công trình chuyển tiếp
8	Chuẩn bị đầu tư					340,0			340,0	
B	Nguồn vốn tiền sử dụng đất					86.840,0	122.659,0	38.669,0	30.000,0	

ST T	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021 - 2025	Kế hoạch đã giao đến 31/12/2021	Dự kiến kế hoạch đầu tư năm 2023	Ghi chú
					Số, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư				
I	Tiền sử dụng đất huyện thực hiện					76.840,0	72.659,0	18.669,0	20.000,0	
1	Nộp 10% tiền sử dụng đất về tỉnh để Chi công tác đo đạc, đăng ký đất đại, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính				82/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh	10.500,0	10.500,0	4.583,0	2.000,0	
2	Giải phóng mặt bằng các công trình huyện	Huyện Đức Cơ				6.150,0	2.319,0	0,0	2.319,0	
2.1	Điểm tham quan du lịch cây di sản Việt Nam	xã Ia Dok	Năm 2023		74/NQ-HĐND ngày 18/8/2021	4.100	1.940,0		1.940,0	Lồng ghép vốn tỉnh phân cấp
2.2	Xây dựng khu giết mổ tập trung	Xã Ia Kriêng	Năm 2023- 2024		76/NQ-HĐND ngày 18/8/2021	2.050	379,0		379,0	Lồng ghép vốn tỉnh phân cấp
3	Trích nộp 30% quỹ phát triển đất					25.920,0	25.920,0		4.704,3	
4	Tiền sử dụng đất để lại cho huyện đầu tư					34.270,0	33.920,0	14.086,0	10.976,7	
4.1	Thu thập, chỉnh lý, số hóa, khai thác dữ liệu tài nguyên môi trường	Huyện Đức Cơ	Năm 2022- 2024	Huyện Đức Cơ	82/NQ-HĐND ngày 18/8/2021; 3145/QĐ-UBND ngày 15/12/2021	2.500,0	2.500,0	1.200,0	700,0	
4.2	Thống kê đất đai hàng năm huyện Đức Cơ	Huyện Đức Cơ	Năm 2022- 2024	Huyện Đức Cơ	81/NQ-HĐND ngày 18/8/2021; 3144/QĐ-UBND ngày 15/12/2021	670,0	670,0	223,0	223,0	
4.3	Lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm huyện Đức Cơ	Huyện Đức Cơ	Năm 2023- 2025		80/NQ-HĐND ngày 18/8/2021	900,0	900,0		500,0	

ST T	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021 - 2025	Kế hoạch đã giao đến 31/12/2021	Dự kiến kế hoạch đầu tư năm 2023	Ghi chú
					Số, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư				
4.4	Quy hoạch chi tiết các điểm dân cư, điều chỉnh quy hoạch, cắm mốc quy hoạch	Huyện Đức Cơ	Năm 2022	Huyện Đức Cơ		6.000,0	6.000,0	2.930,0	1.813,7	
4.5	Duy tu, bảo dưỡng đường giao thông thôn MooK Trêl, Mook Đen xã Ia Dom	xã Ia Dom	Năm 2023	Chiều dài tuyến, L= 4,0 km; Sửa chữa vá ổ gà mặt đường, đắp lề	66/NQ-HĐND ngày 18/8/2021	1.400,0	1.350,0		1.350,0	
4.6	Đường Quy hoạch khu dân cư (phía Tây Hội trường Tô dân phố 7) thị trấn Chư Ty	Thị trấn Chư Ty	Năm 2022-2023	Chiều dài L= 0,9 km, Bn=11,9 ÷ 14,9 m, Bm= 7,5 ÷ 10,5 m; đá dăm láng nhựa, TCN 4,5kg/m ² và hệ thống thoát nước	54/NQ-HĐND ngày 23/7/2021; 2773/QĐ-UBND ngày 08/11/2021	5.200,0	5.000,0	1.733,0	2.800,0	Bổ trí đủ vốn công trình
4.7	Cải tạo, chỉnh trang điện chiếu sáng công cộng đường Trường Chinh	Thị trấn Chư Ty	Năm 2022-2023	Chiều dài L=1,46km. Cột thép mã kẽm H=9m; Cản đèn thép mạ kẽm Ø48, dây CVV 4x16mm ² , tủ điều khiển 2 chế độ, bóng Led 150W	72/NQ-HĐND ngày 18/8/2021; 2963/QĐ-UBND ngày 26/11/2021	2.600,0	2.500,0	2.000,0	190,0	Bổ trí đủ vốn công trình
4.8	Hỗ trợ Chương trình kiên cố hóa hạ tầng giao thông và kênh mương	Các xã, thị trấn	Năm 2023		280/NQ-HĐND ngày 10/12/2020; 338/QĐ-UBND ngày 15/4/2021	15.000,0	15.000,0	6.000,0	3.000,0	
4.9	Chuẩn bị đầu tư								400,0	
II	Tiền sử dụng đất cấp xã thực hiện					10.000,0	50.000,0	20.000,0	10.000,0	

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023**Nguồn vốn tiền sử dụng đất phân cấp cho xã đầu tư**

(Kèm theo Quyết định số

/QĐ-UBND, ngày

tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Đơn vị, địa phương	Kế hoạch đầu tư giai đoạn 2021- 2025	Kế hoạch đã giao đến ngày 31/12/2021	Dự kiến kế hoạch đầu tư năm 2023	Trích nộp về tỉnh 10% để thực hiện dự án đo đạc	Điều tiết về cấp huyện 20%	Tiền sử dụng đất để lại cấp xã đầu tư	Ghi chú
1	2	3	4	5	$6 = (5) * 10\%$	$7 = ((5) - (6)) * 20\%$	$8 = (5) - (6) - (7)$	
	TỔNG SỐ	50.000,0	20.000,0	10.000,0	1.000,0	1.800,0	7.200,0	
1	Xã Ia Nan	6.000,0	2.800,0	1.000,0	100,0	180,0	720,0	
2	Xã Ia Pnôn	1.000,0	760,0	100,0	10,0	18,0	72,0	
3	Xã Ia Dom	5.000,0	2.896,0	1.000,0	100,0	180,0	720,0	
4	Xã Ia Kriêng	14.000,0	4.608,0	2.800,0	280,0	504,0	2.016,0	
5	Xã Ia Krêl	17.700,0	6.640,0	3.700,0	370,0	666,0	2.664,0	
6	Xã Ia Din	4.000,0	1.460,0	1.000,0	100,0	180,0	720,0	
7	Xã Ia Dơk	1.500,0	380,0	300,0	30,0	54,0	216,0	
8	Xã Ia Kla	500,0	300,0	50,0	5,0	9,0	36,0	
9	Xã Ia Lang	300,0	156,0	50,0	5,0	9,0	36,0	